

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Hùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Thế Nam và bà Trần Thị Thu Huyền.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Hoài D, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1996; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2024, chị Lê Hoài D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hoài D và anh Lê Văn H yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống với gia đình bố mẹ chồng tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc như bao cặp vợ chồng khác, cho đến cuối năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, hai người không hợp tính nhau, anh H không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Đã nhiều lần chị D cố gắng bỏ qua tất cả vì cuộc sống gia đình và con chung nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến cuối tháng 5 năm 2023, chị D về nhà bố mẹ đẻ tại thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị sinh sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích. Vì vậy chị D viết đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Về tình cảm: Đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu **Lê Hoài N**, sinh ngày 27/03/2019. Hiện tại cháu **N** đang ở với chị **D** tại **Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị** nên ly hôn chị **D** có nguyện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh **H** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 08 tháng 8 năm 2024, anh **Lê Văn H trình bày như sau:**

Về tình cảm: Anh **Lê Văn H** vẫn còn tình cảm với chị **Lê Hoài D** nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không muốn ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 (một) con chung là cháu **Lê Hoài N**, sinh ngày 27/03/2019. Anh **H** yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại xác minh ngày 17 tháng 7 năm 2024, bà **Nguyễn Thị N1 (mẹ của chị **Lê Hoài D**) trình bày:**

Sau khi kết hôn, anh **H** và chị **D** chung sống ở nhà bố mẹ chồng tại **thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 6/2023, hai bên mâu thuẫn không thể hòa giải nên chị **D** về sinh sống tại nhà bà **N1**. Từ khi chị **D** sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, anh **H** thỉnh thoảng lên thăm con. Về yêu cầu ly hôn của chị **D** thì bà **N1** đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh **H** và chị **D** có 01 (một) con chung là cháu **Lê Hoài N**, sinh ngày 27/3/2019. Hiện cháu **N** đang học tại **Trường mầm non T** và sống cùng gia đình bà **N1**. Nếu ly hôn, bà **N1** đồng ý cho chị **D** và cháu **N** sống cùng gia đình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Hoài D** được ly hôn với anh **Lê Văn H**.

- Về con chung: Giao con chung là cháu **Lê Hoài N**, sinh ngày 27/03/2019 cho chị **Lê Hoài D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Lê Văn H** không phải có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị **Lê Hoài D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Hoài D và anh Lê Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 01/11/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Nay, chị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh H nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hoài D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống với gia đình bố mẹ chồng tại thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Tháng 5/2023, vợ chồng chị D và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị D cùng với con về sống với bố mẹ chị D. Kể từ khi chị D về nhà sống với bố mẹ chị D thì anh H không quan tâm, chăm sóc chị D và con chung. Tòa án đã ra thông báo hòa giải nhưng anh H không đến Tòa án là thể hiện sự bỏ mặc cuộc sống hôn nhân.

Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện, yêu thương, giữ gìn hạnh phúc bên nhau nhưng giữa chị D và anh H không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; chị D và anh H đã không sống chung với nhau từ tháng 5/2023 cho đến nay. Vì vậy, cuộc sống hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D để xem xét cho chị D được ly hôn đối với ông H.

[3]. Về con chung: Chị D và anh H có 01 (một) con chung là cháu Lê Hoài N, sinh ngày 27/03/2019. Chị D thì mong muốn được nuôi con chung; anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Thấy rằng, hiện nay cháu đang ở cùng với chị D và bố mẹ chị D. Do đó, để đảm bảo sự ổn định tâm lý và sự phát triển mọi mặt của cháu thì cần giao quyền nuôi con chung cho chị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Hoài D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Hoài D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS; các Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4

Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Lê Hoài D.**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lê Hoài D** được ly hôn với anh **Lê Văn H.**

2. Về con chung: Giao cháu **Lê Hoài N**, sinh ngày 27/03/2019 cho chị **Lê Hoài D** nuôi dưỡng. Anh **Lê Văn H** không có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không có nghĩa vụ nuôi con có quyền thăm non, chăm sóc con chung và không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị **Lê Hoài D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000123 ngày 17/5/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Chị **Lê Hoài D** đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị **Lê Hoài D** và anh **Lê Văn H** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- CCTHADS huyện Triệu Phong;
- UBND xã Triệu An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hùng